

Số: 48/2024/QĐST-DS

Phong Điền, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Lê Tuấn Kiệt**.

2. Ông **Nguyễn Thanh Hải**.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Nguyễn Thùy T1**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1970.

2/ Ông **Nguyễn Thanh Hậu E**, sinh năm 1982.

3/ Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

4/ **Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện P**.

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận “Tờ nhượng đất” đã ký ngày 08/02/1996 giữa bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thùy T1 với ông Nguyễn Hồng T.

- Ông Nguyễn Hồng T được quản lý, sử dụng phần có diện tích 940.4m² loại đất CLN (đất tại vị trí C và vị trí D và thửa 397 trên Bản Trích đo địa chính số 1059), đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ. Đất thuộc một phần thửa 277, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 819114, số vào sổ cấp GCN: CS06210, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 10/9/2019 cho bà Nguyễn Thị N. Đất thuộc một phần thửa 277, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 819114, số vào sổ cấp GCN: CS06210, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 10/9/2019 cho bà Nguyễn Thị N và thửa 397 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 089509, số vào sổ GCN: H00166 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 14/9/2006 cho bà Nguyễn Thùy T1.

- Bà Nguyễn Thùy T1 được quản lý, sử dụng phần có diện tích 249.3m² loại đất CLN (đất tại vị trí A và vị trí B trên Bản Trích đo địa chính số 1059), đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 819114, số vào sổ cấp GCN: CS06210 của bà Nguyễn Thị N để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng T.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 089509, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H00166 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 14/9/2006 cho bà Nguyễn Thùy T1 thửa 397, diện tích 244m², để điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ của bà Nguyễn Thùy T1 theo đúng vị trí và diện tích đất bà T1 đang quản lý, sử dụng).

(Đính kèm Bản Trích đo địa chính số 1059/TTKTTNMT ngày 18/9/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

Ông Nguyễn Hồng T có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thùy T1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích đất và vị trí đất bà T1 sử dụng theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Hồng T có trách nhiệm hỗ trợ tiền chênh lệch diện tích đất so với diện tích nhận chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc thẩm định là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), số tiền này nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T tự nguyện chịu. Nguyên đơn đã nộp và thanh toán xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ông Nguyễn Hồng T tự nguyện chịu án phí dân sự không có giá ngạch cho bà Nguyễn Thùy T1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007704 ngày 06/01/2023, ông T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THADS H. Phong Điền;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà